

Số: 02/2018/TT-BVHTTDL

Hà Nội, ngày 19 tháng 01 năm 2018

THÔNG TƯ
Quy định về cơ sở vật chất, trang thiết bị và
tập huấn nhân viên chuyên môn đối với môn Karate

Căn cứ Luật Thể dục, thể thao ngày 29 tháng 11 năm 2006;

Căn cứ Nghị định số 106/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao;

Căn cứ Nghị định số 79/2017/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch;

Theo đề nghị của Tổng cục trưởng Tổng cục Thể dục thể thao;

Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch ban hành Thông tư quy định về cơ sở vật chất, trang thiết bị tập luyện và tập huấn nhân viên chuyên môn đối với môn Karate.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Thông tư này quy định về cơ sở vật chất, trang thiết bị và tập huấn nhân viên chuyên môn đáp ứng yêu cầu hoạt động tập luyện và thi đấu môn Karate.

2. Tiêu chuẩn cơ sở vật chất, trang thiết bị tập luyện và thi đấu thể thao thành tích cao môn Karate được thực hiện theo quy định tại Điều 43 Luật thể dục, thể thao.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với tổ chức, cá nhân tổ chức hoạt động tập luyện, thi đấu và tổ chức tập huấn nhân viên chuyên môn đối với môn Karate tại Việt Nam.

Điều 3. Cơ sở vật chất, trang thiết bị luyện tập

1. Cơ sở vật chất:

a) Có sàn tập diện tích ít nhất 60m² trở lên; mặt sàn bằng phẳng, không trơn trượt;

b) Có ánh sáng tối thiểu là 200 lux;

c) Có bảng nội quy quy định những nội dung chủ yếu sau: Đối tượng được phép tham gia tập luyện, trang phục khi tập luyện, giờ luyện tập, biện pháp đảm bảo an toàn khi tập luyện.

2. Trang thiết bị:



a) Có võ phục chuyên môn Karate; găng tay màu xanh, găng tay màu đỏ; bộ bảo vệ bàn chân, ống quyển màu xanh; bộ bảo vệ bàn chân, ống quyển màu đỏ; dụng cụ đỡ đòn (lãmpơ);

b) Có khu vực thay đồ, gửi đồ, khu vực vệ sinh; có túi sơ cứu theo quy định của Bộ Y tế;

c) Có sổ theo dõi võ sinh tham gia tập luyện, ghi đầy đủ họ tên, năm sinh, địa chỉ, thời gian theo học và lưu đơn xin học của từng người.

Điều 4. Cơ sở vật chất, trang thiết bị thi đấu

1. Cơ sở vật chất:

a) Thảm hình vuông có chiều dài mỗi cạnh từ 10m đến 12m;

b) Tuân thủ các quy định tại điểm a và điểm b khoản 1 Điều 3 Thông tư này.

2. Trang thiết bị:

a) Bảo vệ cơ thể, bịt răng, đồng hồ bấm giờ, bảng điểm, cân trọng lượng cơ thể, công và cờ trọng tài gồm hai màu xanh và màu đỏ;

b) Tuân thủ các quy định tại điểm a và điểm b khoản 2 Điều 3 Thông tư này.

Điều 5. Mật độ tập luyện

1. Mật độ tập luyện trên sàn bảo đảm ít nhất 03m²/01 võ sinh.

2. Mỗi người hướng dẫn tập luyện hướng dẫn không quá 30 võ sinh/buổi tập.

Điều 6. Tập huấn nhân viên chuyên môn

1. Tổng cục Thể dục thể thao, Tổ chức xã hội - nghề nghiệp cấp quốc gia về Karate hoặc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Sở Văn hóa và Thể thao các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tổ chức tập huấn chuyên môn cho người hướng dẫn tập luyện môn Karate.

2. Tổng cục Thể dục thể thao có trách nhiệm xây dựng nội dung, chương trình tập huấn chuyên môn cho người hướng dẫn tập luyện môn Karate trình Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch quyết định.

3. Giấy chứng nhận tập huấn chuyên môn cho người hướng dẫn tập luyện môn Karate do cơ quan tổ chức tập huấn cấp. Mẫu giấy chứng nhận được quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 7. Tổ chức thực hiện

1. Tổng cục Thể dục thể thao có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện Thông tư này.

2. Cơ quan Thanh tra Văn hoá, Thể thao và Du lịch tiến hành thanh tra, xử lý theo thẩm quyền đối với tổ chức, cá nhân vi phạm các quy định tại Thông tư này.

3. Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch, Sở Văn hóa và Thể thao các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm tổ chức thực hiện Thông tư này.

Điều 8. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 05 tháng 3 năm 2018.

2. Thông tư số 09/2013/TT-BVHTTDL ngày 26 tháng 11 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định điều kiện hoạt động của cơ sở thể thao tổ chức hoạt động karatedo hết hiệu lực kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực.

Trong quá trình thực hiện, nếu phát sinh vướng mắc, đề nghị các cơ quan tổ chức, cá nhân kịp thời phản ánh về Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch để nghiên cứu giải quyết. /

Nơi nhận:

- Ban Bí thư TW Đảng;
- Thủ tướng Chính phủ;
- Các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng Trung ương Đảng;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Chính phủ;
- Toà án Nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát Nhân dân tối cao;
- Tổng Kiểm toán Nhà nước;
- Ủy ban TW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Cơ quan Trung ương của các tổ chức chính trị - xã hội;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL- Bộ Tư pháp;
- Công báo; Cổng thông tin điện tử Chính phủ; Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật; Cổng thông tin điện tử Bộ VHTTDL;
- Bộ trưởng, các Thứ trưởng Bộ VHTTDL;
- Các Tổng cục, Cục, Vụ, đơn vị trực thuộc Bộ VHTTDL;
- Các Vụ, đơn vị trực thuộc Tổng cục TDTT;
- Sở VH TT, Sở VHTTDL các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Lưu: VT, TCTDTT (10), SH (400).

BỘ TRƯỞNG



Nguyễn Ngọc Thiện



PHỤ LỤC

(Ban hành theo Thông tư số: 02/2018/TT-BVHTTDL ngày 19 tháng 01 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)

Mẫu giấy chứng nhận tập huấn chuyên môn cho người hướng dẫn tập luyện môn Karate

<p>TÊN CƠ QUAN, TỔ CHỨC CHỦ QUẢN (1) <u>TÊN CƠ QUAN, TỔ CHỨC (2)</u></p>	<p>CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM <u>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc</u></p>
<p>Số: /GCN....(3)</p>	<p>...(4)..., ngày ... tháng ... năm 20...</p>
<p>Ảnh 4x6</p>	<p>GIẤY CHỨNG NHẬN Tập huấn cho người hướng dẫn tập luyện môn Karate</p>
	<p>.....(2)..... chứng nhận:</p>
	<p>Ông (Bà)</p>
	<p>Sinh ngày tháng năm</p>
	<p>Số CMND/Thẻ căn cước công dân:</p>
	<p>Địa chỉ thường trú:</p>
	<p>Đã hoàn thành chương trình tập huấn kiến thức nghiệp vụ hướng dẫn tập luyện môn Karate.</p>
	<p>Thời gian: Từ ngày đến ngày..... tháng năm</p>
	<p>Tại:</p>
	<p>CƠ QUAN CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN <i>(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên, chức vụ)</i></p>

- Ghi chú:**
- (1) Tên cơ quan, tổ chức chủ quản trực tiếp (nếu có).
 - (2) Tên cơ quan, tổ chức cấp giấy chứng nhận.
 - (3) Chữ viết tắt tên cơ quan, tổ chức cấp giấy chứng nhận.
 - (4) Địa danh.

ẢNH DƯ